

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

|                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 1943/2025/TN-ETSC                                                               | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b>                                                                                                                                                                                                               | Ngày/ Date: 27/06/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br>Customer:                                                     | <b>CÔNG TY TNHH MTV NHÔM LÂM ĐỒNG – TKV</b><br>Đường Phan Đình Phùng, Tổ 15, Thị trấn Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.                                                                                                                                       |                                            |
| 2. Địa chỉ thử nghiệm:<br>Place of testing:                                             | Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện – ETSC                                                                                                                                                                                                                                      |                                            |
| 3. Đối tượng thử nghiệm:<br>Type of testing:                                            | Thảm cao su cách điện trung áp<br>Medium voltage insulating rubber carpet                                                                                                                                                                                                      |                                            |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br>Quantity/Installation location:                         | 01 tấm / 01 Pcs                                                                                                                                                                                                                                                                |                                            |
| 5. Phương pháp thử nghiệm:<br>Method of testing:                                        | ETSC/QT-19; TCVN 9626: 2013; TCVN 5589-91; TCVN 3624 – 81; 959/QĐ-EVN; Tài liệu kỹ thuật NSX; Theo yêu cầu khách hàng.                                                                                                                                                         |                                            |
| 6. Thời gian thực hiện:<br>Inspection Date:                                             | 24÷26/06/2025                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                            |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br>Specification:                                                 | Loại/ Type: THẨM CAO SU CÁCH ĐIỆN 10KV<br>Kích thước/ Size: (1.000x650x8,0)mm<br>Năm sản xuất/ Date of manufacture: 06/2025<br>Điện áp làm việc lớn nhất/ Maximum working voltage: 10kV<br>Số quản lý/ Serial No: Số phiếu 111<br>Nhà sản xuất/ Manufacture: VICADI – Việt Nam |                                            |
| 8. Phương tiện thử nghiệm:<br>Testing equipment:                                        | Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.                                                                                                                                                                                                                                        |                                            |
| 9. Điều kiện môi trường:<br>Environmental conditions:                                   | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                                                                                                                                                                |                                            |
| 10. Kết quả thử nghiệm:<br>Testing result:                                              | Xem trang sau<br>See next page                                                                                                                                                                                                                                                 |                                            |
| 11. Tem thử nghiệm:<br>Testing stamp No:                                                | 1367/25/ETSC                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                            |
| 12. Kết luận:<br>Conclusion                                                             | Thảm cao su cách điện trên đạt tiêu chuẩn kỹ thuật / The above insulating rubber carpet meets technical standards                                                                                                                                                              |                                            |
| 13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 06/2027<br>Recommended next testing period: |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                            |
| Người Thực Hiện<br>Executor                                                             | <br>Nguyễn Đức Tiến Luyến                                                                                                                                                                                                                                                      |                                            |
|                                                                                         | <br>Nguyễn Quốc Hoàn                                                                                                                                                                                                                                                           |                                            |





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THI NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Số/ No: 09/04/2025/TN-ETSC

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

**CERTIFICATE OF TESTING**

Ngày/ Date: 27/06/2025

Trang/ Page: 2/2

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1  
 Content of measured results 10 page 1.

**10.1 Kiểm tra trực quan/ Visual check:** Không phát hiện bất thường/ Pass.

| Stt No | Đối tượng đo<br>Measuring object                                | So sánh tham chiếu<br>Compare reference           | Kết quả<br>Result | Đánh giá<br>Assess |
|--------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| 1      | Nhãn mác/ Label                                                 | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/<br>Good  | Đạt/ Ok            |
| 2      | Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/<br>Check the equipments exterior | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/<br>Good  | Đạt/ Ok            |
| 3      | Bề mặt cách điện/ Insulation surface                            | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/<br>Good  | Đạt/ Ok            |

**10.2 Điện trở cách điện/ Insulation resistance:**

| Đối tượng<br>Object                                     | Trước khi thử cao thế/<br>Before trying so high (MΩ) | Sau khi thử cao thế/<br>After trying so high (MΩ) | Đánh giá<br>Evaluate |
|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| Thảm – Khung dẫn điện dưới thảm<br>Rubber carpet - Case | > 50.000                                             | > 50.000                                          | Đạt/ Pass            |

**10.3 Thử điện áp xoay chiều - đo dòng điện rò/ AC voltage test - leakage current measurement:**

| Stt No | Đối tượng đo<br>Measuring object                        | Điện áp thử nghiệm<br>Check voltage (kV/s) | Mức tiêu chuẩn<br>Standard level (mA) | Kết quả<br>Result (mA) | Đánh giá<br>Assess |
|--------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------|--------------------|
| 1      | Thảm – Khung dẫn điện dưới thảm<br>Rubber carpet - Case | 20,0kV/60s                                 | ≤ 20,0                                | < 20,0                 | Đạt/ Ok            |

**10.4 Thử điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:**

| Stt No | Đối tượng đo<br>Measuring object                   | Điện áp thử nghiệm<br>Check voltage (kV/s) | Kết quả<br>Result | Đánh giá<br>Assess |
|--------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| 1      | Kiểm tra độ bền điện môi/ Test dielectric strength | 20,0kV/60s                                 | Chịu được/ Pass   | Đạt/ Ok            |